

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất vải không dệt và mặt nạ dưỡng da tại Khu công nghiệp Tam Thăng (thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai), xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất vải không dệt và mặt nạ dưỡng da gửi kèm Công văn số 05/CV - Cty ngày 20/10/2020 của Công ty TNHH Cell Bio Human Tech Vina về việc giải trình, chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất vải không dệt và mặt nạ dưỡng da;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 862/TTr-STNMT ngày 19 tháng 11 năm 2020 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất vải không dệt và mặt nạ dưỡng da với diện tích 51.000 m² tại Khu công nghiệp Tam Thăng (thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai), xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ (sau đây viết tắt là dự án) do Công ty TNHH Cell Bio Human Tech Vina làm Chủ dự án với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án trong thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

3. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (nếu có) của Dự án.

4. Trường hợp Chủ dự án vi phạm các quy định tại quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chủ tịch UBND thành phố Tam Kỳ, Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế mở Chu Lai; Chủ tịch UBND xã Tam Thăng, Giám đốc Công ty TNHH Cell Bio Human Tech Vina, thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC05;
- Phòng TN&MT thành phố Tam Kỳ;
- Lưu: VT, KTN.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Quang Bửu

Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Số đăng ký: ĐK/ĐTM ngày tháng năm 2020

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC**

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI KHÔNG DỆT VÀ MẶT NẠ DƯỠNG DA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2020
của UBND tỉnh Quảng Nam)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Phạm vi Dự án:

Dự án xây dựng nhà máy sản xuất vải không dệt và mặt nạ dưỡng da triển khai thực hiện tại Lô B2, KCN Tam Thăng, xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Tổng diện tích đất của dự án là 5,1 ha. Tứ cận tiếp giáp của dự án được xác định như sau:

- + Phía Tây Bắc: tiếp giáp đất quy hoạch KCN;
- + Phía Đông Nam: tiếp giáp đất KCN;
- + Phía Tây Nam: tiếp giáp vệt cây xanh KCN;
- + Phía Đông Bắc: tiếp giáp đường nội bộ KCN.

1.2. Quy mô của Dự án:

Dự án được đầu tư phân kỳ làm 02 giai đoạn.

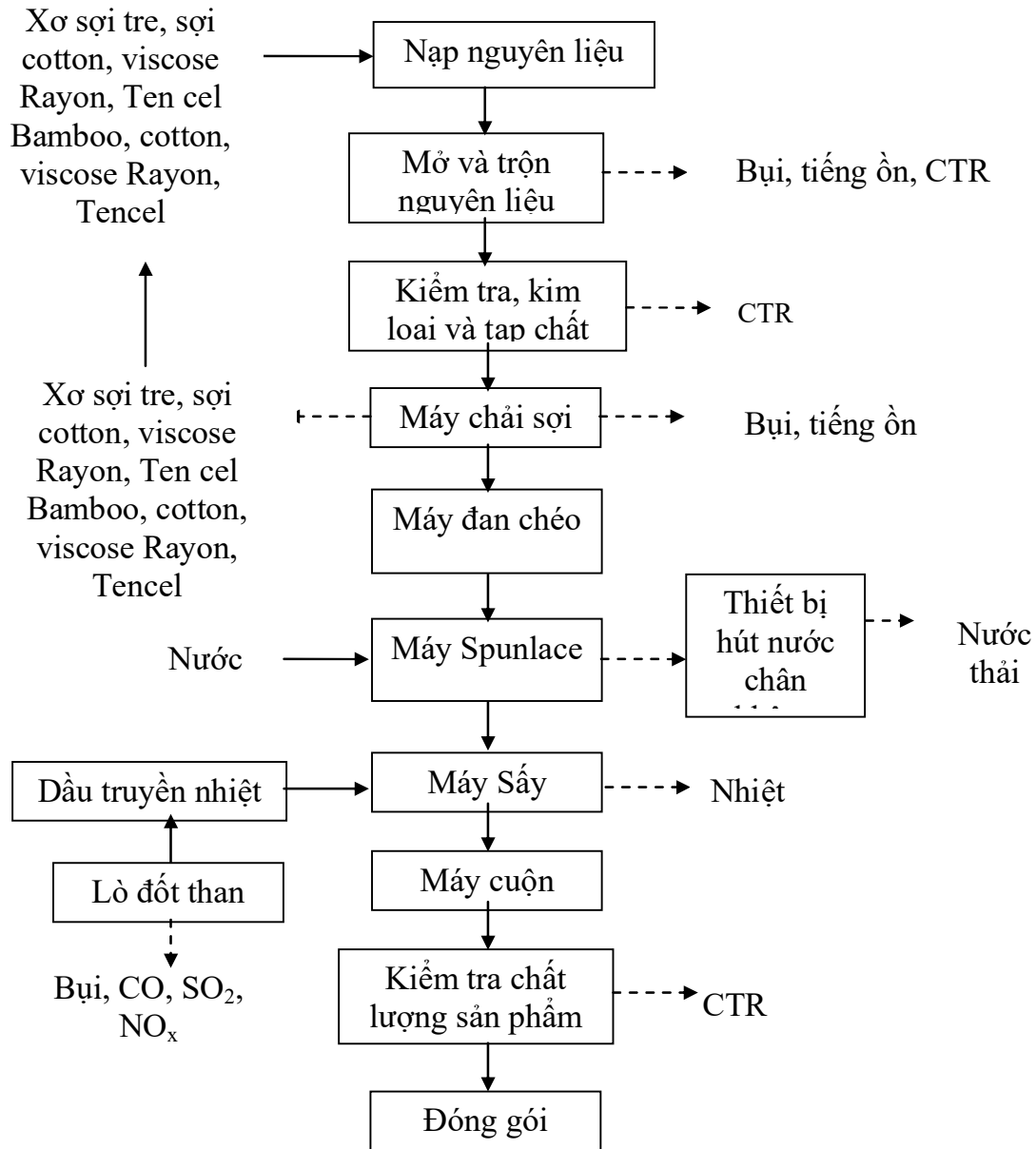
- Giai đoạn 1: công suất sản xuất vải không dệt là 300 tấn sản phẩm/tháng.
- Giai đoạn 1: công suất sản xuất mặt nạ dưỡng da từ vải không dệt là 10.000.000 sản phẩm/tháng.

1.3. Các hạng mục chính của Dự án:

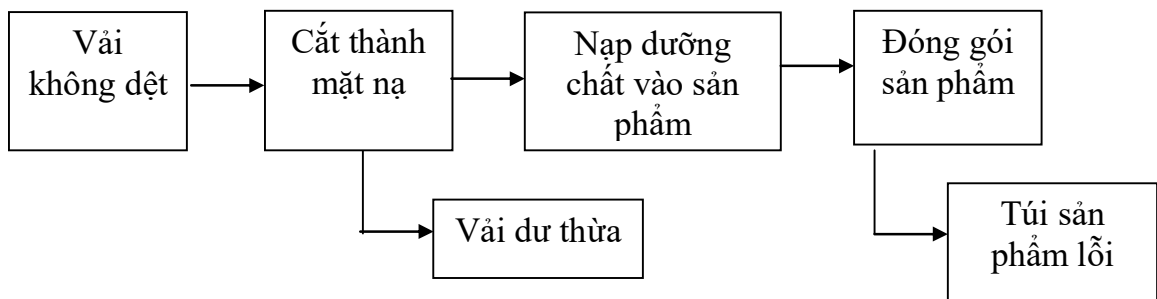
- Các hạng mục công trình gồm: Khu vực sản xuất (xưởng sản xuất 01 và văn phòng, xưởng sản xuất 2 và nhà kho, nhà lò hơi dầu tải nhiệt), căn tin và ký túc xá, nhà để xe máy, nhà ăn, bể chứa nước và phòng bơm, nhà bảo vệ, nhà chứa rác và chất thải nguy hại, sân, đường nội bộ, bãi đỗ xe, cây xanh, sân đất.
- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nội bộ dự án, đảm bảo khớp nối hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án.
- Hệ thống giao thông, san nền, cấp thoát nước, cấp điện, chiếu sáng, cây xanh.
- Xây dựng riêng biệt hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải.
- Diện tích đất trồng cây xanh khoảng 10.300 m², chiếm 20,20% diện tích đất toàn khu.

1.4. Công nghệ sản xuất:

a) Giai đoạn 1: Dây chuyền sản xuất vải không dệt



b) Giai đoạn 2: Sản xuất mặt nạ dưỡng da từ vải không dệt



2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Đối với môi trường không khí: tiếng ồn, bụi, khí thải.
- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn.
- Đối với chất thải: chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với môi trường không khí: bụi, khí thải, tiếng ồn, nhiệt thừa.
- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước mưa chảy tràn.
- Đối với chất thải: chất thải sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Tiếng ồn, bụi thải: phát sinh từ quá trình phát quang giải phóng mặt bằng; bụi phát sinh từ quá trình san nền; bụi, khí thải phát sinh do quá trình vận chuyển khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu trong khu vực Dự án; bụi, khí thải từ phương tiện thi công xây dựng.
- Khí thải: phát sinh hoạt động của máy móc, thiết bị giao thông chủ yếu là CO, NO₂, SO₂.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Bụi phát sinh trong quá trình sản xuất vải không dệt spunlace chủ yếu là bụi xơ từ cân cấp liệu, máy mở và trộn nguyên liệu, máy chải.
- Khí thải phát sinh từ lò hơi: Nồng độ ước tính Bụi là 3.109,63 mg/Nm³, SO₂ là 298,97 mg/Nm³, NO_x là 257,60 mg/Nm³, CO là 207,10 mg/Nm³).
- Nhiệt thừa: quá trình sấy khô làm phát sinh một lượng nhiệt thừa trong nhà xưởng.

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công: lưu lượng nước thải phát sinh giai đoạn 1: 6,3 m³/ngày.đêm, giai đoạn 2: 2,7 m³/ngày.đêm. Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, TSS, Nito, Tổng P, các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt: lưu lượng nước thải phát sinh giai đoạn 1: 2,52 m³/ngày.đêm, giai đoạn 2: 1,44 m³/ngày.đêm. Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, TSS, Nito, Tổng P, các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- Nước thải sản xuất: phát sinh từ máy spunlace, thành phần nước thải chứa nhiều cặn, xơ dầu kết bông. Lượng nước cung cấp cho máy spunlace lần đầu là 200 m³/h.

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nội bộ của Nhà máy được tuần hoàn tái sử dụng 80% (160m³/h), 20% (40m³/h) nước còn lại (phần cặn đáy) sau khi qua bể lọc cát được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải nước thải KCN. Lượng nước hao hụt sẽ được bổ sung thêm vào bể chứa.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn thải sinh hoạt trong quá trình thi công trong giai đoạn 1 khoảng 28 kg/ngày, giai đoạn 2: 12 kg/ngày .

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Chất thải thải sinh hoạt của công nhân viên trong quá trình hoạt động khoảng 23,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Phế phẩm xơ roi vải: 0,48 tấn/tháng tương đương 18,5 kg/ngày (chiếm khoảng 0,1% khối lượng nguyên liệu sử dụng).

+ Bụi xơ thu hồi từ các máy chiếm khoảng 0,5% nguyên liệu đầu vào khoảng 2,4 tấn/tháng tương đương 92,3 kg/ngày.

+ Xơ thu hồi sau khi qua hệ thống xử lý nước thải chiếm khoảng 0,39% nguyên liệu đầu vào khoảng 1,87 tấn/tháng tương đương 72 kg/ngày.

+ Xi than phát sinh từ quá trình đốt lò đốt: Khối lượng xỉ than ước tính bằng 5,05% khối lượng than sử dụng mỗi ngày, khoảng 7,5 tấn/ngày x 5,05% = 0,38 tấn/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- Trong quá trình thi công xây dựng: chủ yếu phát sinh giẻ lau dính dầu mỡ, phụ tùng hư hỏng dính dầu mỡ ... Trong đó dầu mỡ thải ước tính lượng phát sinh 120 lít/lần/3 tháng (bảo trì 8 thiết bị/lần).

- Trong giai đoạn hoạt động: nhà máy phát sinh các loại chất thải gồm can thùng đựng dầu truyền nhiệt, giẻ lau, găng tay dính dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang với khối lượng khoảng 82 kg/năm.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Về xử lý bụi và khí thải:

- Thực hiện che chắn tạm thời bằng tôn cao 1,6 m xung quanh khu đất dự án.

- Vào những ngày hanh khô hoặc có gió lớn, tiến hành phun nước tạo độ ẩm trên mặt đất tại các khu vực: đào móng, tập kết nguyên vật liệu xây dựng và khu vực xe vận chuyển ra vào với tần suất 02 lần/ngày.

- Phun nước tạo độ ẩm trên mặt đường tại khu vực cổng nhà máy và trên trục đường chính dẫn từ cổng KCN vào khu dự án, tần suất phun 2 lần/ngày.

- Đào hố rửa bánh xe tại cổng nhà máy để hạn chế mang đất ra ngoài công trình kích thước (DxRxH= 5x3x0,5 m) có kết cấu bằng bê tông cốt thép. Định kỳ 1 tuần thay 1 lần với lượng nước thải phát sinh khoảng 5m³/lần thay nước. Nước thải chủ yếu chứa bùn đất sẽ được đưa đến hố lắng bố trí tại công trường, bùn đất nếu nhiễm dầu mỡ từ xe sẽ thu gom chứa vào thùng chứa CTNH để đưa đi xử lý.

- Tổ chức vệ sinh, quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi trên đường giao thông trước cổng ra vào dự án.

- Phân bổ kế hoạch vận chuyển hợp lý phù hợp với tiến độ công việc, không vận chuyển vào các giờ cao điểm (từ 11h – 13h và từ 18h – 06h sáng hôm sau) và tập trung cùng một lúc.

3.1.2. Về xử lý nước thải

+ Nước thải xây dựng: được thu gom, lắng cặn tại hố lắng, sau đó sẽ được dẫn thải ra mương thoát nước tạm thời để xử lý. Cặn lắng sẽ được thu gom sau mỗi ngày làm việc, bố trí thùng chứa cặn có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom xử lý.

+ Nước thải sinh hoạt: Thuê 02 nhà vệ sinh lưu động đặt tại khu lán trại 01 cái, nhà điều hành 01 cái. Sau khi kết thúc thi công, hợp đồng với các đơn vị có chức năng đến hút cặn và đưa đi xử lý đúng nơi quy định, đồng thời tiến hành rắc vôi khử trùng và san lấp trả lại mặt bằng cho dự án. Kết cấu nhà vệ sinh di động bằng vật liệu composite, kích thước LxWxH=1700x1200x2450mm, phục vụ cho khoảng 70 người/ngày.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn (CTR), chất thải nguy hại (CTNH):

- Thu gom, xử lý CTR:

+ CTR xây dựng: Phế liệu xây dựng được tận dụng triệt để hoặc bán phế liệu, lượng thải ra hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom khi kết thúc thi công.

+ CTR sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa rác để thu gom rác thải sinh hoạt tại khu vực lán trại và nhà điều hành dự án; Phân loại chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế để bán phế liệu như giấy vụn, thùng carton, vật dụng bằng nhựa, kim loại...; Các loại chất thải rắn còn lại sau khi thu gom được chứa trong các túi nilông, thùng đựng rác kích thước đảm bảo sau đó tập kết về khu lưu giữ CTR tập trung trên công trường; Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Thu gom, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

+ Các chất thải dính dầu mỡ như: can chứa, bao bì, giẻ lau, phụ tùng hư hỏng được thu gom chứa trong các thùng chứa có nắp đậy kín đảm bảo không bị rò rỉ ra môi trường và dán nhãn CTNH theo quy định.

+ Bố trí một khu vực riêng tại kho chứa nhiên liệu và dụng cụ phục vụ thi công để lưu giữ tạm thời các CTNH trước khi đơn vị chức năng đến thu gom.

3.2. Trong giai đoạn hoạt động:

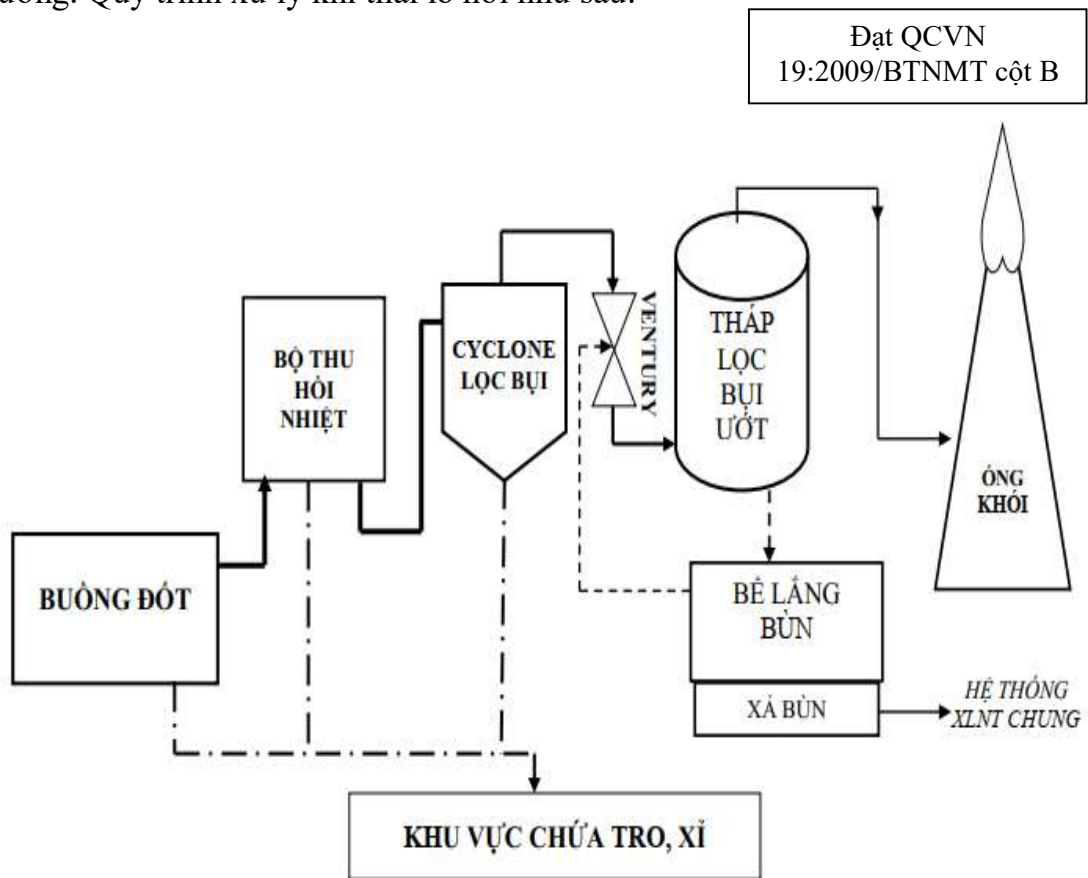
3.2.1. Về xử lý bụi, khí thải:

a) Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải

- Bê tông hóa và thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, kho để hạn chế tối đa lượng bụi phát tán từ mặt đất; trồng cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên nhà máy với mật độ trên 20% nhằm tạo cảnh quan và cải thiện môi trường không khí xung quanh; phun nước sân bãi, đường nội bộ trong những ngày nắng nóng, gió nhiều để giảm thiểu hơi nóng và lượng bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển gây ra.

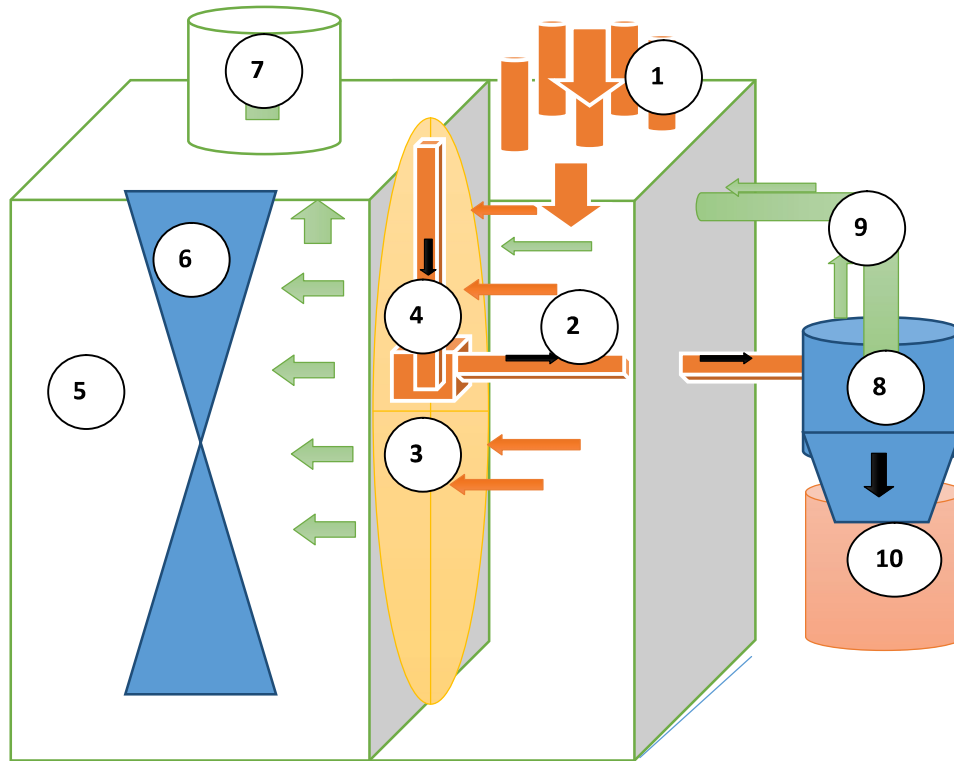
b) Giảm thiểu khí thải từ lò đốt

Đầu tư hệ thống xử lý khí thải lò hơi đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường. Quy trình xử lý khí thải lò hơi như sau:



c) Bụi từ quá trình sản xuất:

Để hạn chế triệt để bụi xơ phát sinh từ quá trình sản xuất, nhà máy đầu tư hệ thống thu gom xơ gắn kèm. Bụi xơ được thu hồi tái sử dụng, không khí sạch sau khi lọc được xả trực tiếp ra ngoài. Sơ đồ công nghệ như sau:



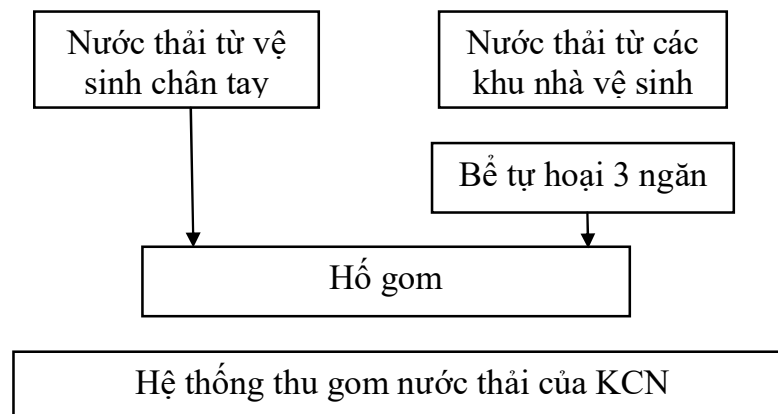
Ghi chú:

1. Các đường ống hút xơ gắn từ dây chuyền (máy cung bông máy chải)
2. Không chứa khí chưa lọc
3. Màng lọc xơ.
4. Tay hút xơ.
5. Không chứa khí sau màng lọc
6. Quạt ly tâm
7. Ống gió thải ra môi trường
8. Hệ thống tách xơ gắn
9. Đường gió hồi của HT tách bụi
10. Túi gom xơ ngắn

3.2.2. Về xử lý nước thải:

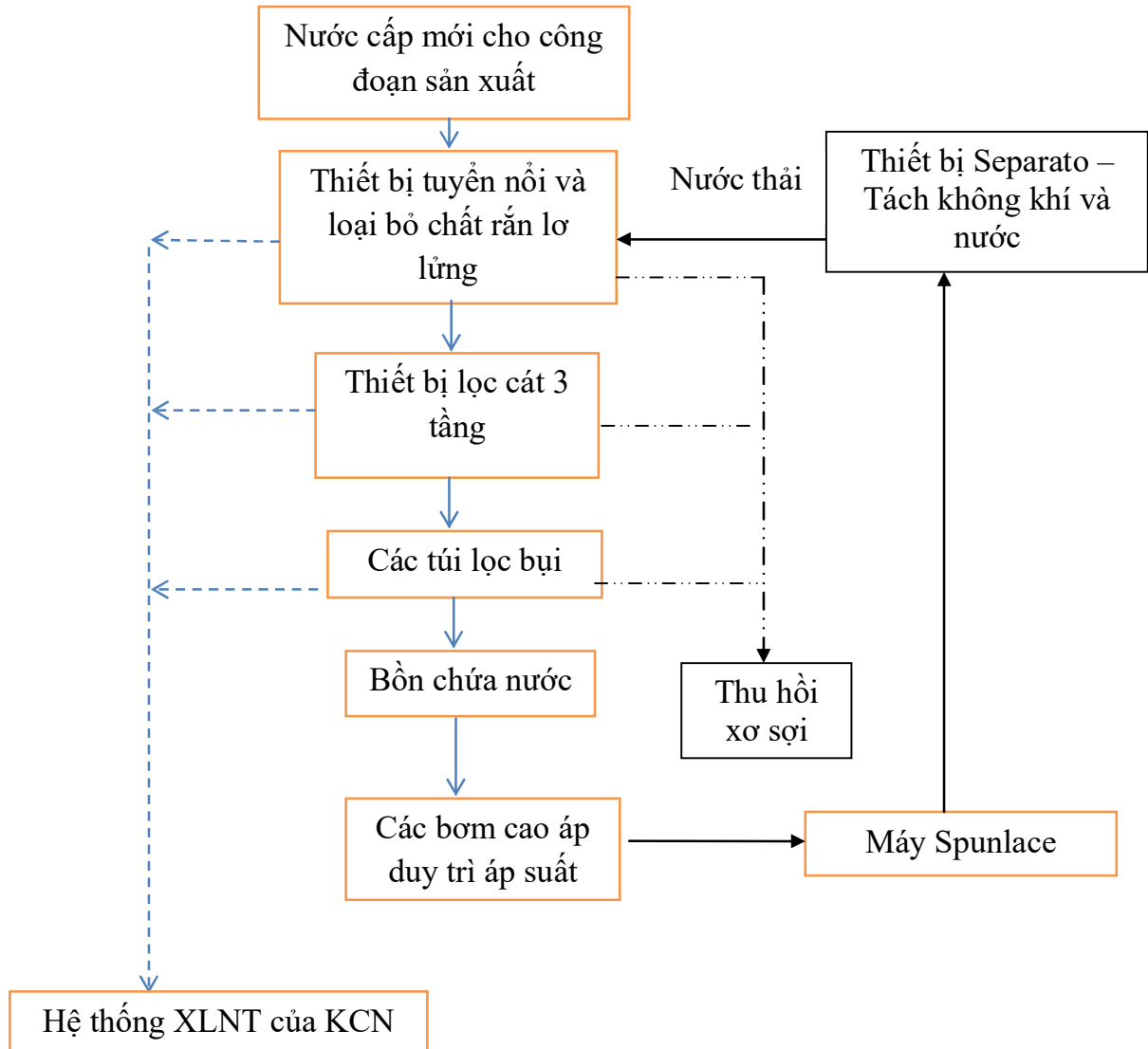
a) Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt tại nhà máy gồm nước thải từ công trình vệ sinh, nước rửa chân tay. Biện pháp thu gom và xử lý như sau:

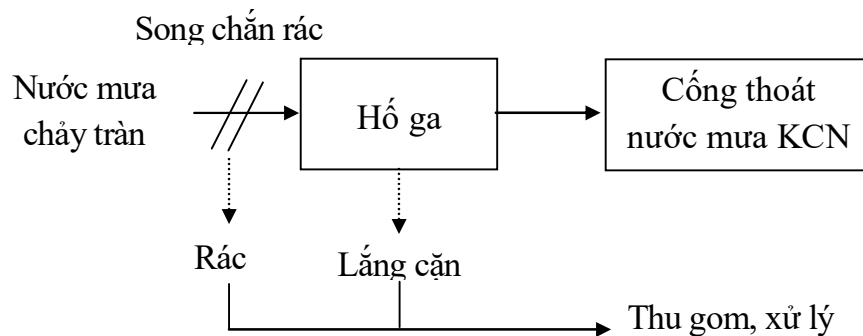


b) *Nước thải sản xuất:*

Nước thải phát sinh từ máy phun Spunlace. Thành phần nước thải chứa nhiều cặn, xơ dầu kết bông, lượng nước thải này được xử lý tuần hoàn lại dây chuyền xử lý nước áp lực cao với công suất 200 m³/h của nhà máy. Dây chuyền xử lý nước áp lực cao của nhà máy như sau:



c) *Nước mưa chảy tràn*



3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn (CTR)

- Chất thải rắn sinh hoạt: phân loại, thu gom đưa về kho lưu chứa với diện tích 120 m² và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom xử lý.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Các chất thải trong quá trình sản xuất như xơ thừa, bụi xơ thu hồi từ thiết bị thu hồi bụi được tái chế hoặc tái sử dụng.

+ Đối với xỉ than chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng để phân tích mẫu. Trường hợp xỉ than không có thành phần chất thải nguy hại thì hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý như chất thải rắn thông thường. Trường hợp xỉ than có thành phần chất thải nguy hại thì hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý như chất thải nguy hại.

+ Xi than được thu gom tập kết về kho chứa xỉ than nằm trong nhà lò hơi được xây tường bao quanh với diện tích 6500x6500mm kết cấu tường gạch H=3,4m.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom CTNH.

- Xây dựng kho chứa CTNH có diện tích 100 m² (nằm trong nhà chứa rác thải, liền kề với kho chứa CTR thông thường) để lưu giữ tạm thời toàn bộ CTNH phát sinh tại nhà máy trước khi đơn vị có chức năng đưa đi xử lý.

3.2.5. Các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố môi trường:

a) Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải lò hơi dầu tải nhiệt

- Thiết bị phải được chế tạo và lắp đặt đúng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn; trên lò hơi lắp đặt đủ các thiết bị an toàn; nhà lò hơi được thông thoáng, có đủ không gian cho công nhân làm việc, kiểm tra vận hành và vệ sinh thiết bị; ống dẫn hơi, dẫn dầu tải nhiệt phải được bao che cách nhiệt.

- Khi xảy ra sự cố đối với lò hơi phải dừng hoạt động toàn bộ lò hơi, báo cáo cho các cơ quan chức năng lập kế hoạch khắc phục sự cố và phải chịu trách nhiệm bồi thường khi xảy ra thiệt hại do sự cố gây ra.

b) Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi sản xuất

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý bụi để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo xử lý đạt yêu cầu trước khi thải ra môi trường; trang bị thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng như: bơm, quạt hút, màng lọc bụi.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố hư hỏng, không vận hành được hệ thống, dự án sẽ tạm dừng hoạt động nhằm bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất. Sau khi sự cố được khắc phục và bảo đảm hiệu quả xử lý, dự án mới đi vào hoạt động trở lại.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án được thể hiện ở bảng sau:

STT	Tên công trình	Số lượng	Bố trí công trình
1	Hệ thống xử lý khí thải lò đốt	01	Bố trí tại các công đoạn sấy
2	Hệ thống thu hồi bụi xơ	01	Bố trí tại công đoạn cung bông và phân chải xơ tạo thành màng
3	Khu xử lý nước thải	01	Bố trí tại phía sau khu vực nhà máy
4	Quạt thông gió	04	Tại khu vực tập trung đông công nhân
5	Mạng thoát nước mưa	-	Bố trí xung quanh nhà xưởng
6	Khu chứa CTR thông thường, CTNH	01	Bố trí tại nhà chứa rác thải
7	Cây xanh, khoảng xanh	-	Diện tích trồng 10.400 m ²

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

TT	Hạng mục giám sát	Thông số	Vị trí giám sát	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn xây dựng				
2	Giám sát CTR thông thường	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTR thông thường	Toàn công trường	Thường xuyên khi có phát sinh	- Báo cáo ĐTM
3	Giám sát CTNH	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết CTNH	Toàn công trường	Thường xuyên khi có phát sinh	- Báo cáo ĐTM

TT	Hạng mục giám sát	Thông số	Vị trí giám sát	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
II Giai đoạn dự án đi vào hoạt động					
1	Giám sát khí thải	Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO ₂ .	- Ống khói lò đốt	03 tháng/lần	QCVN 19:2009/BTNMT
3	Giám sát CTR thông thường	Việc thu gom, xử lý CTR tại nhà máy	- Vị trí lưu trữ tạm thời	Thường xuyên khi có phát sinh	- Báo cáo ĐTM
4	Giám sát CTNH	Việc lưu trữ tại nhà máy	- Vị trí lưu trữ tạm thời	Thường xuyên khi có phát sinh	- Báo cáo ĐTM

6. Trách nhiệm của Chủ dự án:

6.1. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

6.2. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

6.4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Tam Kỳ để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.5. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

6.6. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Tam Kỳ trước khi bắt đầu tiến hành vận hành thử nghiệm ít nhất 20 (hai mươi) ngày

làm việc. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Sau khi kết thúc thời gian vận hành thử nghiệm phải thông báo kết quả hoàn thành về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND thành phố Tam Kỳ để được theo dõi, giám sát.

6.7. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND thành phố Tam Kỳ để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vận hành chính thức.

6.8. Trong quá trình triển khai dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại Điểm 4 Khoản 7 Điều 1 tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

7. Các điều kiện liên quan kèm theo:

7.1. Dự án chỉ được triển khai xây dựng khi cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất và thực hiện các quy định khác theo pháp luật hiện hành.

7.2. Thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở của Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

7.3. Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh, các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước.

7.4. Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.5. Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, tiếng ồn trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

7.6. Thu gom, xử lý các loại khí thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, bảo đảm đạt các Quy chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành trước khi thoát ra môi trường.

7.7. Xây dựng, đấu nối và vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

7.8. Có các biện pháp kỹ thuật an toàn và môi trường phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của Dự án tới các hoạt động giao thông đường bộ; có các biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dự án; thực hiện nghiêm túc chiều cao xây dựng, các yêu cầu về an ninh, quốc phòng; không làm ảnh hưởng đến các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, tới các di tích văn hóa, các hoạt động du lịch trong khu vực.

7.9. Tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án song song với quá trình thi công xây dựng; đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

7.10. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cho Dự án; tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng cấp nước sinh hoạt, an toàn hóa chất, tài nguyên nước và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án.

7.11. Đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7.12. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.